

Số: /TB-UBND

Trà Cú, ngày 02 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO
Lịch xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023-2024
trên địa bàn huyện Trà Cú

Căn cứ Công điện số 397/CD-TTg ngày 13/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động triển khai các biện pháp cấp bách ứng phó với nguy cơ nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;

Căn cứ Công điện số 06/CD-UBND ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc chủ động triển khai các biện pháp ứng phó với các tác động của hiện tượng El Nino trên địa bàn tỉnh (*Theo nhận định Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia tại Bản tin ngày 16/6/2023 cập nhật tình hình El Nino, dự báo thời gian đỉnh điểm của hiện tượng El Nino có thể xảy ra từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024*);

Căn cứ Thông báo số 655/TB-SNN-BVTV ngày 31/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh về việc thông báo lịch xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023-2024.

Từ các cơ sở nêu trên, để đảm bảo sản xuất vụ Đông Xuân năm 2023-2024 được an toàn, hạn chế thiệt hại do ảnh hưởng xâm nhập mặn, khô hạn cuối vụ và dịch hại gây bất lợi đến sản xuất; Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú thông báo lịch xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023-2024, cụ thể như sau:

1. Bố trí lịch thời vụ xuống giống:

Khung thời vụ xuống giống lúa chung cho toàn huyện bắt đầu từ ngày **05/12/2023** đến ngày **30/12/2023**, kế hoạch vụ lúa Đông Xuân 2023-2024 gieo trồng **12.100 ha**; tập trung vào 02 đợt chính như sau:

- Đợt 01: Từ ngày 05/12/2023 đến ngày 15/12/2023 (nhằm ngày 23/10 đến 03/11/2023 âm lịch), diện tích xuống giống khoảng 4.325 ha; tập trung ở 11 xã theo phụ lục đính kèm.

- Đợt 02: Từ ngày 20/12/2023 đến ngày 30/12/2023 (nhằm ngày 08/11 đến 18/11/2023 âm lịch), diện tích xuống giống khoảng 7.775 ha. Tập trung ở các xã xuống giống đợt 01 và thị trấn Trà Cú.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

2. Cơ cấu giống lúa:

- Các giống lúa chủ lực: OM 5451, OM 4900, OM 18, ST25...

- Các giống bổ sung: Đài Thơm 8, RVT, ST20, ST24, ST25, VD20,...

Riêng các giống lúa chất lượng trung bình như IR 50404, OM 576 (Hàm Trâu), ML 202 không nên sản xuất vượt quá 20% diện tích của địa phương.

3. Các giải pháp:

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh đồng ruộng trước khi xuống giống ít nhất 02 tuần trước khi gieo sạ, sử dụng nấm *Trichoderma* hoặc các chế phẩm sinh học để phân hủy rơm rạ nhằm cải tạo đất, hạn chế ngộ độc phèn, ngộ độc hữu cơ và cắt đứt nguồn bệnh.

- Tuyên truyền, vận động nông dân tuân thủ khung lịch thời vụ theo khuyến cáo, thực hiện việc xuống giống đồng loạt, tập trung né rầy theo từng vùng, chỉ đạo lịch xuống giống cụ thể, tập trung cho từng ấp, khóm; các đợt xuống giống phải dứt điểm trên từng cánh đồng.

- Khuyến cáo nông dân sử dụng giống lúa cấp xác nhận, giống có thời gian sinh trưởng phù hợp trên từng cánh đồng, những giống lúa có năng suất và chất lượng cao phù hợp với yêu cầu thị trường, chống chịu sâu bệnh và hạn mặn tốt như: OM 18, Đài Thơm 8, ST 24, ST 25,...

- Trong một cánh đồng nên bố trí nhóm giống lúa có cùng thời gian sinh trưởng để thuận tiện cho việc cung cấp nước tưới, thu hoạch. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng phương pháp “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm” trong sản xuất, xây dựng cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao.

- Quản lý tốt nguồn nước: Tiếp tục tổ chức vớt vật cản như lục bình, cỏ dại,... trên các tuyến kênh, rạch để khai thông dòng chảy. Đặc biệt, vụ Đông Xuân cần chuẩn bị tốt việc củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước,... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, tránh rò rỉ.

- Giám sát dịch bệnh: Tăng cường công tác dự tính - dự báo, chú ý các đối tượng gây hại chính có thể xuất hiện như bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông; các bệnh do khuẩn (cháy bìa lá, sọc trong, thối thân); nhện gié; chuột. Đặc biệt là tăng cường công tác dự tính - dự báo về diễn biến tình hình rầy nâu để hướng dẫn người dân phòng trị kịp thời. Thường xuyên theo dõi các đối tượng gây hại để chủ động phát hiện và phòng trị tốt ngay từ đầu vụ, không để cây lúa mất sức, tránh làm ảnh hưởng lớn đến năng suất.

4. Tổ chức thực hiện:

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các ban, ngành liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin hướng dẫn và khuyến cáo người dân tuân thủ thực hiện đúng lịch xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023-2024; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các xã, thị trấn; kết quả báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

- Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp huyện: Tăng cường công tác tập huấn và chuyên gia tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao kỹ thuật canh tác sản xuất cho nông dân; có kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình xuống

giống, thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo, theo dõi diễn biến dịch hại ngay từ đầu vụ.

- Xí nghiệp Thủy nông: Căn cứ lịch xuống giống xây dựng kế hoạch, thông báo cụ thể lịch vận hành các công thủy lợi điều tiết nước hợp lý để phục vụ tốt cho việc làm đất, xuống giống, đảm bảo chế độ nước tưới cho cây lúa phát triển tốt theo từng giai đoạn sinh trưởng.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Căn cứ thông báo lịch xuống giống lúa của Ủy ban nhân dân huyện, xây dựng kế hoạch xuống giống lúa cụ thể cho từng vùng, thông báo lịch xuống giống lúa đến từng ấp, khóm. Chỉ đạo và hướng dẫn nông dân thực hiện tốt việc làm đất, tổ chức xuống giống lúa đồng loạt trên từng cánh đồng, đảm bảo sản xuất lúa đạt thắng lợi theo kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT (b/c);
- Chi cục TT&BVTV (b/c);
- TT.HU, TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Trung tâm KTDVNN huyện;
- Trung tâm VH-TT&TT;
- Xí nghiệp Thủy nông;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Nghị

PHỤ LỤC
Diện tích xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023-2024
 (Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày/11/2023
 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú)

Đơn vị tính: ha

STT	Xã/thị trấn	Dự kiến diện tích gieo sạ	Đợt 01 xuống giống từ ngày 05/12 - 15/12/2023	Đợt 02 xuống giống từ ngày 20/12 - 30/12/2023	Ghi chú
1	Phước Hưng	2.200	1.125	1.075	
2	Tập Sơn	1.250	700	550	
3	Tân Sơn	920	745	175	
4	An Quảng Hữu	850	450	400	
5	Lưu Nghiệp Anh	150	50	100	
6	Ngãi Xuyên	950	200	750	
7	Thị trấn Trà Cú	25	-	25	
8	Thanh Sơn	800	200	600	
9	Hàm Giang	800	200	600	
10	Ngọc Biên	1.405	405	1.000	
11	Long Hiệp	1.050	150	900	
12	Tân Hiệp	1.700	100	1.600	
Tổng cộng		12.100	4.325	7.775	